

Số: 20/2021/QBS-CBTT

Hải Phòng, ngày 15 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN  
NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP. HCM**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Quảng Bình
- Mã chứng khoán: QBS
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Điện thoại: (0225) 626.3333
- Fax: (0225) 3533.679
- Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Ngọc Ninh

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố (\*):**

Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2021

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:

<https://quangbinhjsc.com.vn/news/457-bao-cao-tai-chinh-rieng-quy-i-nam-2021>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

\* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2021



**PHẠM THỊ NGỌC NINH**



# **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>694.654.572.669</b>	<b>688.431.570.548</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>25.105.207.256</b>	<b>11.110.233.020</b>
1. Tiền	111		23.333.052.256	6.378.233.020
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.772.155.000	4.732.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	10.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>657.033.004.542</b>	<b>648.362.203.019</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	219.892.362.872	171.779.445.021
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	441.639.450.908	482.445.555.888
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		479.296.773	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	2.542.997.443	1.658.305.564
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.521.103.454)	(7.521.103.454)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>1.010.537.385</b>	<b>16.729.055.775</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.010.537.385	16.729.055.775
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.505.823.486</b>	<b>2.230.078.734</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		79.021.461	17.051.558
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.326.802.025	1.773.986.238
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	100.000.000	439.040.938
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>528.312.566.629</b>	<b>527.709.942.343</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>96.555.227.883</b>	<b>99.079.227.162</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	16.155.227.883	16.677.577.162
- Nguyên giá	222		23.554.198.131	23.966.434.495
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.398.970.248)	(7.288.857.333)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	80.400.000.000	82.401.650.000
- Nguyên giá	228		80.400.000.000	82.401.650.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.188.407.637</b>	<b>1.188.407.637</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.188.407.637	1.188.407.637
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>430.476.658.077</b>	<b>427.350.433.743</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		432.000.000.000	432.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		58.660.000.000	54.160.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(60.183.341.923)	(58.809.566.257)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>92.273.032</b>	<b>91.873.801</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		92.273.032	91.873.801
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.222.967.139.298</b>	<b>1.216.141.512.891</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>600.603.046.140</b>	<b>596.189.903.011</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>494.325.879.516</b>	<b>489.912.736.387</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	175.141.251.783	173.264.449.195
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		141.066.500	988.344.900
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	34.767.620	35.139.259
4. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		479.296.773	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	76.456.022.724	73.075.578.924
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	234.297.249.979	234.772.999.972
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.776.224.137	7.776.224.137
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>106.277.166.624</b>	<b>106.277.166.624</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	106.277.166.624	106.277.166.624
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>622.364.093.158</b>	<b>619.951.609.880</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>622.364.093.158</b>	<b>619.951.609.880</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
			(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.692.449.297	15.692.449.297
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		(83.378.536.139)	(85.791.019.417)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(85.791.019.117)	(17.298.767.612)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.412.483.278	(68.492.251.805)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.222.967.139.298</b>	<b>1.216.141.512.891</b>

Trần Xuân Đạt

Người lập

Trần Thị Yên Chi

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương

Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 15 tháng 04 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021


MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2021	Quý I/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	267.762.016.670	355.358.554.912
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		267.762.016.670	355.358.554.912
4. Giá vốn hàng bán	11	21	260.527.231.809	355.350.376.401
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.234.784.861	8.178.511
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	188.654.179	1.007.557.329
7. Chi phí tài chính	22	23	5.771.164.768	473.869.509
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.792.407.066	10.957.474.884
8. Chi phí bán hàng	25		26.735.598	26.735.598
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	1.677.122.666	2.144.114.197
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(51.583.992)	(1.628.983.464)
11. Thu nhập khác	31		2.658.350.000	120.751.087
12. Chi phí khác	32		194.282.730	300.160.024
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.464.067.270	(179.408.937)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.412.483.278	(1.808.392.401)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.412.483.278	(1.808.392.401)

  
 Trần Xuân Đạt  
 Người lập

  
 Trần Thị Yến Chi  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Thị Thanh Hương  
 Chủ tịch HĐQT


Hải Phòng, ngày 15 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021  
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2021 VND	Quý I/2020 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.412.483.278	(1.808.392.401)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		378.066.549	328.898.397
- Các khoản dự phòng	03		1.373.775.666	(91.922.235.684)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		604.982.036	(677.036.525)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.689.456.752)	80.398.651.641
- Chi phí lãi vay	06		3.792.407.066	10.957.474.884
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.872.257.843	(2.722.639.688)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.333.055.433)	118.573.168.560
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15.718.518.390	(912.847.991)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.268.280.357	(127.626.269.756)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(62.369.134)	2.442.496
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(162.953.641)	(192.752.280)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(1.750.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>14.300.678.382</b>	<b>(14.628.898.659)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		160.000.000	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.184.003	7.470.360
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>170.184.003</b>	<b>7.470.360</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(475.749.993)	(475.749.993)
1. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(475.749.993)</b>	<b>(475.749.993)</b>





## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021  
(Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2021 VND	Quý I/2020 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		13.995.112.392	(15.097.178.292)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.110.233.020	20.650.449.942
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(138.156)	4.597.933
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	25.105.207.256	5.557.869.583

  
Trần Xuân Đạt  
Người lập

  
Trần Thị Yến Chi  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Thanh Hương  
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 15 tháng 04 năm 2021



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 27 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2021 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón DAP và các sản phẩm hóa chất phục vụ cho sản xuất phân bón trong nước. Đồng thời, Công ty cung cấp các dịch vụ về kho bãi ngoại quan và các dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị trực thuộc	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty tại Quảng Bình	Quảng Bình	Thương mại và dịch vụ

### 2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

*Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết*

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

#### Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, v.v., chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### Doanh thu

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/03/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.020.011.254	1.581.542.649
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.313.041.002	4.796.690.371
Các khoản tương đương tiền	1.772.155.000	4.732.000.000
	<u><u>25.105.207.256</u></u>	<u><u>11.110.233.020</u></u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Báo cáo tài chính riêng  
Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### 6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

#### b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	432.000.000.000	-	432.000.000.000	(36.104.823.175)
Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	432.000.000.000	-	432.000.000.000	(36.104.823.175)
Công ty CP Transworld QBV ICD	-	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	58.660.000.000	-	54.160.000.000	(22.704.743.082)
Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	4.560.000.000	-	4.560.000.000	(255.575.748)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	34.000.000.000	-	34.000.000.000	(19.264.708.887)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	20.100.000.000	-	15.600.000.000	(3.184.458.447)
	<b>490.660.000.000</b>	<b>-</b>	<b>486.160.000.000</b>	<b>(58.809.566.257)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021

**MÃ SỐ B 09-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/03/2021 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Cảng cận Quảng Bình - Đình Vũ	Hải Phòng	98,63%	98,63%	Dịch vụ cảng và Logistic

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Thông tin chi tiết về các công ty khác của Công ty vào ngày 31/03/2021 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	Hà Nội	19,00%	19,00%	Kinh doanh thương mại
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	Hải Phòng	18,89%	18,89%	Kinh doanh thương mại
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	Hà Nội	15,00%	15,00%	Kinh doanh thương mại

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thụy	13.265.204.867	15.424.629.897
Công ty CP Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	5.310.482.094	33.583.282.094
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Nội	3.525.020.716	4.525.020.716
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Trần Trang	10.876.250.000	20.936.250.000
Công ty CP Thương mại Abavia Việt Nam	168.544.300.000	82.136.400.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	18.371.105.195	15.173.862.314
	<b>219.892.362.872</b>	<b>171.779.445.021</b>

**8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	72.053.065.020	-	70.000.000.000	-
Công ty CP Phát triển Phân bón Đình Vũ	109.916.142.995	-	72.063.362.995	-
Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu EAG	98.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hoàng Cầu	-	-	112.000.000.000	-
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Trần Trang	70.000.000.000	-	110.000.000.000	-
Trả trước khác	91.670.242.893	(4.465.825.912)	18.382.192.893	(4.465.825.912)
	<b>441.639.450.908</b>	<b>(4.465.825.912)</b>	<b>482.445.555.888</b>	<b>(4.465.825.912)</b>

**9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.297.780.821	-	1.132.575.342	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	1.206.150	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	212.850	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	94.600	-
Ký cược, ký quỹ	225.000.000	-	375.000.000	-
Phải thu khác	1.020.216.622	-	149.216.622	-
	<b>2.542.997.443</b>	<b>-</b>	<b>1.658.305.564</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**10 . NỢ XẤU**

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Hóa chất Phúc Lâm	4.465.825.912	-	4.465.825.912	-
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Spotlight	2.863.598.538	-	2.863.598.538	-
Đối tượng khác	191.679.004	-	191.679.004	-
	<b>7.521.103.454</b>	<b>-</b>	<b>7.521.103.454</b>	<b>-</b>

**11 . HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	652.087.280	-	652.087.280	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	-	-
Hàng hoá	358.450.105	-	16.076.968.495	-
	<b>1.010.537.385</b>	<b>-</b>	<b>16.729.055.775</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021

**MÃU SỐ B 09-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2021	13.610.327.718	397.272.773	9.127.713.180	831.120.824	23.966.434.495
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(412.236.364)	-	(412.236.364)
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>13.610.327.718</b>	<b>397.272.773</b>	<b>8.715.476.816</b>	<b>831.120.824</b>	<b>23.554.198.131</b>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2021	2.651.043.288	397.272.773	3.549.726.939	690.814.333	7.288.857.333
Trích khấu hao	134.077.011	-	224.757.525	19.232.013	378.066.549
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(267.953.634)	-	(267.953.634)
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>2.785.120.299</b>	<b>397.272.773</b>	<b>3.506.530.830</b>	<b>710.046.346</b>	<b>7.398.970.248</b>
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2021	10.959.284.430	-	5.577.986.241	140.306.491	16.677.577.162
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>10.825.207.419</b>	<b>-</b>	<b>5.208.945.986</b>	<b>121.074.478</b>	<b>16.155.227.883</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Giá trị quyền sử dụng đất</u> VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2021	82.401.650.000
Góp vốn vào doanh nghiệp khác	<u>(2.001.650.000)</u>
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b><u>80.400.000.000</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2021	<u>82.401.650.000</u>
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b><u>80.400.000.000</u></b>

**14 . PHẢI NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/03/2021</u>		<u>01/01/2021</u>	
	<u>Giá trị</u> VND	<u>Số có khả năng trả</u> VND	<u>Giá trị</u> VND	<u>Số có khả năng trả</u> VND
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phân bón Lào Cai	73.861.680.000	73.861.680.000	73.861.680.000	73.861.680.000
Công ty CP Đầu tư Quốc tế Trần Anh	36.400.000.000	36.400.000.000	36.400.000.000	36.400.000.000
Công ty CP Ecoparadise Việt Nam	42.028.650.000	42.028.650.000	25.522.200.000	25.522.200.000
Các khoản phải trả khác	22.850.921.783	22.850.921.783	37.480.569.195	37.480.569.195
	<b><u>175.141.251.783</u></b>	<b><u>175.141.251.783</u></b>	<b><u>173.264.449.195</u></b>	<b><u>173.264.449.195</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021

**MẪU SỐ B 09-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	339.040.938	-	500.618.020	161.577.082	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	100.000.000	-	-	-	100.000.000	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	35.139.259	349.104	720.743	-	34.767.620
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	<b>439.040.938</b>	<b>35.139.259</b>	<b>504.967.124</b>	<b>166.297.825</b>	<b>100.000.000</b>	<b>34.767.620</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/03/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	49.064.464	35.147.824
Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Hải Phòng	27.064.931.504	24.549.863.011
Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Thủ đô	20.665.927.750	19.551.542.818
Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	27.891.341.297	27.891.341.297
Phải trả, phải nộp khác	784.757.709	1.047.683.974
	<u><u>76.456.022.724</u></u>	<u><u>73.075.578.924</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**  
Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021

**MÃ SỐ B 09-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2021		Trong kỳ		31/03/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>	<b>173.170.000.000</b>	<b>173.170.000.000</b>	-	-	<b>173.170.000.000</b>	<b>173.170.000.000</b>
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Thủ Đức <sup>(1)</sup>	53.170.000.000	53.170.000.000	-	-	53.170.000.000	53.170.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng <sup>(2)</sup>	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-	120.000.000.000	120.000.000.000
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<b>61.602.999.972</b>	<b>61.602.999.972</b>	-	<b>475.749.993</b>	<b>61.127.249.979</b>	<b>61.127.249.979</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	59.700.000.000	59.700.000.000	-	-	59.700.000.000	59.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng	1.902.999.972	1.902.999.972	-	475.749.993	1.427.249.979	1.427.249.979
	<b>234.772.999.972</b>	<b>234.772.999.972</b>	-	<b>475.749.993</b>	<b>234.297.249.979</b>	<b>234.297.249.979</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021

**MÃU SỐ B 09-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2021		Trong kỳ		31/03/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
<i>Vay dài hạn</i>						
- Ngân hàng TMCP Công	167.880.166.596	167.880.166.596	-	475.749.993	167.404.416.603	167.404.416.603
thương Việt Nam - Chi nhánh	161.360.000.000	161.360.000.000	-	-	161.360.000.000	161.360.000.000
Hải Phòng <sup>(3)</sup>						
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	6.520.166.596	6.520.166.596	-	475.749.993	6.044.416.603	6.044.416.603
Chi nhánh Hải Phòng <sup>(4)</sup>						
	<b>167.880.166.596</b>	<b>167.880.166.596</b>		<b>475.749.993</b>	<b>167.404.416.603</b>	<b>167.404.416.603</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng	61.602.999.972	61.602.999.972			61.127.249.979	61.127.249.979
12 tháng						
<b>Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng</b>	<b>106.277.166.624</b>	<b>106.277.166.624</b>			<b>106.277.166.624</b>	<b>106.277.166.624</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Quý I/2021	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(85.791.019.417)	619.951.609.880
Tại ngày 01/01/2021	-	-	-	2.412.483.278	2.412.483.278
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2021	<b>693.299.280.000</b>	<b>(3.249.100.000)</b>	<b>15.692.449.297</b>	<b>(83.378.536.139)</b>	<b>622.364.093.158</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/03/2021	Tỷ lệ (%)	01/01/2021	Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)
Ông Nguyễn Thanh Bình	50.000.000.000	7,21%	50.000.000.000	7,21%
Bà Nguyễn Thị Hương	92.005.790.000	13,27%	92.005.790.000	13,27%
Các cổ đông khác	551.293.490.000	79,52%	551.293.490.000	79,52%
	<b>693.299.280.000</b>	<b>100%</b>	<b>693.299.280.000</b>	<b>100%</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Quý I/2021	Quý I/2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp đầu kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp cuối kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000

**d) Cổ phiếu**

	31/03/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	15.692.449.297	15.692.449.297
	<b>15.692.449.297</b>	<b>15.692.449.297</b>

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý I/2021	Quý I/2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	266.723.806.570	354.660.215.812
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.038.210.100	698.339.100
	<b>267.762.016.670</b>	<b>355.358.554.912</b>

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý I/2021	Quý I/2020
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	-
Giá vốn của hàng hóa đã bán	259.345.256.502	352.458.617.925
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.181.975.307	2.891.758.476
Giá vốn của hàng hóa đã bán	<b>260.527.231.809</b>	<b>355.350.376.401</b>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý I/2021	Quý I/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	175.389.482	174.511.456
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	156.009.348
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	13.264.697	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	677.036.525
	<b>188.654.179</b>	<b>1.007.557.329</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021


**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**


	Quý I/2021	Quý I/2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.792.407.066	10.957.474.884
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	547.945.205
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	80.573.163.097
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	247.007
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	604.982.036	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.373.775.666	(91.604.960.684)
	<b>5.771.164.768</b>	<b>473.869.509</b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý I/2021	Quý I/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.134.050	39.019.939
Chi phí nhân công	1.159.469.812	1.767.375.844
Chi phí khấu hao tài sản cố định	340.183.008	288.941.436
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	-	(317.275.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	126.171.460	286.422.403
Chi phí khác bằng tiền	37.164.336	79.629.575
	<b>1.677.122.666</b>	<b>2.144.114.197</b>

  
 Trần Xuân Đạt  
 Người lập

  
 Trần Thị Yến Chi  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Thị Thanh Hương  
 Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 15 tháng 04 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH  
Số:0104/2021/PKT

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc  
\*\*\*\*\*00\*\*\*\*\*

Hải Phòng, ngày 15 tháng 04 năm 2021

**Kính gửi :** - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam

- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Khoản 4 điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.
- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Mã cổ phiếu: QBS) xin giải trình về chỉ tiêu số 60: Lợi nhuận sau thuế trên BCTC quý I/2021 như sau:

Theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, tổng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo KQ HĐKD của Công ty lãi 2,412 tỷ đồng, tăng 4,221 tỷ đồng so với quý I/2020. Nguyên nhân được xác định cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu Quý I/2021 của Công ty đạt 267,762 tỷ đồng, giảm 87,596 tỷ đồng tương ứng giảm 24,65% so với quý I/2020. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 0,819 tỷ đồng so với quý I/2020. Thu nhập khác tăng 2,538 tỷ đồng so với quý I/2020.
- Tổng giá vốn hàng bán giảm 94,823 tỷ đồng, tương ứng giảm 26,68% so với Quý I/2020. Chi phí tài chính tăng 5,297 tỷ đồng tương ứng tăng 1.117,88% so với quý I/2020 do trong quý I/2021 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty CP cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ và các khoản lãi vay ngắn hạn. Chi phí khác giảm 0,106 tỷ so với quý I/2020. Lợi nhuận khác tăng 2,644 tỷ đồng.
- Vì sự tăng giảm của các chỉ tiêu trên nên Tổng lợi nhuận sau thuế quý I/2021 tăng 4,221 tỷ đồng tương ứng tăng 233,40% so với quý I/2020.



42



Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính giải trình lên HOSE và UBCKNN về sự biến động của lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả kinh doanh quý I/2021 của Công ty.

*Trân trọng.*

**Nơi nhận:**

- Như Kính gửi
- Lưu VP

**CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH**



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
*Nguyễn Thị Thanh Hương*

